

Bản án số: 153/2022/DS-ST.

Ngày: 26-12-2022.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Kiên Hươl;

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: không.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 361/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 280/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Văn T, sinh ngày 01/01/1962. Địa chỉ: số 52/2B, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T là bà Nguyễn Thị Q, sinh ngày 01/01/1962. Địa chỉ: số 52/2B, ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Theo Giấy ủy quyền ngày 30/9/2022 (bà Q có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1949.

2.2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1951.

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (ông C, bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2022 của nguyên đơn ông Đặng Văn T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T là bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Ông Cop, bà H có làm đầu thảo luận ông T có tham gia làm hội viên 01 (một) chung hội mùa như sau:

Hội 5.000.000đồng, mở ngày 29/11/2016 âm lịch, hội mùa 04 tháng khai một lần, có 18 phần, ông T tham gia 01 chung, đóng hội sống được 14 lần, khai lần thứ 15 ông C, bà H không khai nữa. Ông C, bà H thiếu ông T số tiền là 5.000.000đồng x 14 lần là 70.000.000đồng. Sau đó ông C, bà H có trả cho ông T 5.000.000đồng. Còn lại 65.000.000đồng **ông T yêu cầu nhiều lần nhưng ông C, bà H chưa trả.**

Vì vậy, ông Đặng Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H cùng liên đới trả cho ông số tiền là: 65.000.000đồng, ông không yêu cầu tính lãi suất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn ông Trần Văn C và bà Lê Thị H không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì, không phản đối, không phản tố.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lần thứ hai những vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, các bị đơn không có yêu cầu phản tố. Xét thấy, Tòa án nhân dân huyện Kế Sách đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho các bị đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T là bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H cùng liên đới trả cho ông T tổng số tiền là 65.000.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và các bị đơn có thực hiện hợp đồng góp hội (có lập thành văn bản do nguyên đơn cung cấp là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn). Sau khi xảy ra tranh chấp nguyên đơn có yêu cầu Tổ hòa giải ấp Đ, xã T, huyện K giải quyết nhưng theo các biên bản hòa giải cơ sở ngày 06/7/2022 và ngày 30/8/2022 đều thể hiện các bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

[2.2] Việc các bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tranh chấp với lý do hiện nay đang có mặt tại địa phương nhưng đã từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án không tham gia tố tụng, không có ý kiến gì, không phản đối, không phản tố nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do các bị đơn không có ý kiến gì phản đối nên cần buộc các bị đơn phải cùng liên đới để trả số nợ trên cho ông T **theo quy định tại các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.**

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H cùng liên đới trả cho ông T số tiền 65.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều **288, 357 và 471** Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định

19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phường. Ông T không yêu cầu lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí:

- Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phường; Khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biêu, phường; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T.

Buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Văn T số tiền là 65.000.000đồng (*Sáu mươi lăm triệu đồng*), ông T không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày ông Đặng Văn T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Trần Văn C và bà Lê Thị H phải cùng liên đới trả cho ông Đặng Văn T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Trần Văn C và bà Lê Thị H phải cùng liên đới chịu 3.250.000đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Đặng Văn T không chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Đương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH